TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HCM
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ

KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO
SINH VIÊN KHÓA TUYỂN 2022 - PHÂN HIỆU NINH THUẬN

Lưu ý:

Chuẩn đầu ra tiếng Anh của Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM hiện nay là tương đương TOEIC 450.
Sinh viên cần có kế hoạch học tập và trau dồi tiếng Anh hợp lý để đạt chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp.

STT	MSSV	HỌ TÊN		LỚP	Số câu đúng Listening	Số câu đúng Reading	Tổng điểm chuyển đổi (TOEIC)	KẾT QUẢ
1	22116118	Hồ Tường	**Anh**	DH22TYNT	44	33	**320**	Học AV1 và AV2
2	22122485	Đinh Nguyễn Hoàng	**Anh**	DH22QTNT	47	31	**325**	Học AV1 và AV2
3	22122486	Hồ Thị Lan	**Anh**	DH22QTNT	36	27	**235**	Học AV1 và AV2
4	22123182	Đỗ Ngọc	**Ánh**	DH22KENT	35	34	**275**	Học AV1 và AV2
5	22152042	Nguyễn Tuấn	**Bảo**	DH22DTNT	24	15	**100**	Học AV1 và AV2
6	22130335	Nguyễn Thị Vân	**Cầm**	DH22DTNT	33	31	**240**	Học AV1 và AV2
7	22123185	Trương Thụy Hồng	**Châu**	DH22KENT	72	36	**515**	Được miễn AV1 và AV2
8	22116119	Nguyễn Hồng	**Chiến**	DH22TYNT	27	21	**150**	Học AV1 và AV2
9	22123186	Nguyễn Thị Minh	**Chu**	DH22KENT	39	43	**350**	Được miễn AV1, Học AV2
10	22122487	Hồ Thị Bích	**Của**	DH22QTNT	35	38	**300**	Học AV1 và AV2
11	22122520	Võ Thành	**Danh**	DH22QTNT	36	35	**285**	Học AV1 và AV2
12	22112438	Trần Trúc	**Đào**	DH22TYNT	31	23	**180**	Học AV1 và AV2
13	22175001	Quảng Thị Ngọc Mai	**Đào**	DH22MNNT	34	30	**240**	Học AV1 và AV2
14	22112439	Nguyễn Xuân Hiền	**Diệu**	DH22TYNT	51	36	**380**	Được miễn AV1, Học AV2
15	22123187	Lê Võ Quang	**Duy**	DH22KENT	36	30	**255**	Học AV1 và AV2
16	22175002	Đỗ Thị Mỹ	**Duyên**	DH22MNNT	32	20	**170**	Học AV1 và AV2
17	22123188	Lê Dương Hoàng	**Gia**	DH22KENT	31	35	**255**	Học AV1 và AV2
18	22123191	Võ Thị Tuyết	**Hân**	DH22KENT	42	49	**405**	Được miễn AV1, Học AV2
19	22123190	Trần Lê Phương	**Hân**	DH22KENT	37	26	**235**	Học AV1 và AV2
20	22123192	Huỳnh Thị	**Hạnh**	DH22KENT	33	27	**215**	Học AV1 và AV2
21	22122515	Huỳnh Tấn	**Hiệp**	DH22QTNT	35	31	**255**	Học AV1 và AV2
22	22123193	Lê Thị	**Hiệp**	DH22KENT	34	38	**290**	Học AV1 và AV2
23	22130337	Trần Nam	**Hiếu**	DH22DTNT	36	18	**185**	Học AV1 và AV2
24	22116121	Trần Thị Kim	**Hoa**	DH22TYNT	51	32	**355**	Được miễn AV1, Học AV2
25	22122488	Nguyễn Ngọc Mỹ	**Hoa**	DH22QTNT	47	46	**420**	Được miễn AV1, Học AV2
26	22123194	Lê Trương Thanh	**Hoa**	DH22KENT	29	35	**245**	Học AV1 và AV2
27	22122489	Nguyễn Phi	**Hoàng**	DH22QTNT	28	27	**190**	Học AV1 và AV2
28	22123195	Phan Thị Hồng	**Huệ**	DH22KENT	25	31	**195**	Học AV1 và AV2
29	22123196	Nguyễn Quốc	**Huy**	DH22KENT	22	30	**175**	Học AV1 và AV2
30	22175003	Nguyễn Thị Thúy	**Huyền**	DH22MNNT	30	35	**250**	Học AV1 và AV2
31	22123197	Nguyễn Vũ Thu	**Huyền**	DH22KENT	30	38	**270**	Học AV1 và AV2
32	22123198	Nguyễn Đăng	**Khoa**	DH22KENT	50	44	**425**	Được miễn AV1, Học AV2
33	22122516	Huỳnh Tuyết	**Kiểng**	DH22QTNT	25	33	**210**	Học AV1 và AV2
34	22123199	Cao Thị Hồng	**Lam**	DH22KENT	37	33	**280**	Học AV1 và AV2
35	22122490	Lê Hoàng Quốc	**Lâm**	DH22QTNT	23	28	**170**	Học AV1 và AV2
36	22175004	Nguyễn Thị Bé	**Len**	DH22MNNT	34	30	**240**	Học AV1 và AV2
37	22123200	Bùi Thị Khánh	**Linh**	DH22KENT	41	40	**340**	Học AV1 và AV2
38	22122491	Nguyễn Việt	**Mãi**	DH22QTNT	35	35	**280**	Học AV1 và AV2
39	22122492	Nguyễn Thị Kiều	**Mi**	DH22QTNT	30	27	**200**	Học AV1 và AV2
40	22122493	Nguyễn Lê Ngọc	**Minh**	DH22QTNT	31	26	**200**	Học AV1 và AV2
41	22123202	Trần Thị Trúc	**My**	DH22KENT	35	33	**270**	Học AV1 và AV2
42	22122494	NguyễN BảO ÁI	**Nga**	DH22QTNT	24	26	**160**	Học AV1 và AV2
43	22175005	Bạch Thị Thu	**Ngân**	DH22MNNT	31	32	**235**	Học AV1 và AV2
44	22122495	Cổ Như	**Ngọc**	DH22QTNT	30	22	**170**	Học AV1 và AV2
45	22112441	Cao Thành	**Nguyên**	DH22TYNT	43	28	**280**	Học AV1 và AV2

Lưu ý:

Chuẩn đầu ra tiếng Anh của Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM hiện nay là tương đương TOEIC 450.
Sinh viên cần có kế hoạch học tập và trau dồi tiếng Anh hợp lý để đạt chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp.

STT	MSSV	HỌ TÊN		LỚP	Số câu đúng Listening	Số câu đúng Reading	Tổng điểm chuyển đổi (TOEIC)	KẾT QUẢ
46	22175006	Lê Thị Minh	**Nguyệt**	DH22MNNT	26	26	**175**	Học AV1 và AV2
47	22123203	Trương Thanh	**Nhã**	DH22KENT	26	25	**170**	Học AV1 và AV2
48	22130339	Nguyễn Thị Thanh	**Nhàn**	DH22DTNT	32	31	**235**	Học AV1 và AV2
49	22112442	Phạm Nguyễn Bảo	**Nhi**	DH22TYNT	27	34	**230**	Học AV1 và AV2
50	22123205	Nguyễn Thanh Ngọc	**Nhi**	DH22KENT	28	32	**220**	Học AV1 và AV2
51	22123206	Phạm Thị Ngọc	**Nhi**	DH22KENT	28	26	**185**	Học AV1 và AV2
52	22123204	Nguyễn Mai Yến	**Nhi**	DH22KENT	32	22	**180**	Học AV1 và AV2
53	22123207	Trần Thị Ái	**Nhi**	DH22KENT	48	43	**410**	Được miễn AV1, Học AV2
54	22122496	Nguyễn Thị Hương	**Nhiên**	DH22QTNT	31	36	**260**	Học AV1 và AV2
55	22123208	Lê Thị Quỳnh	**Như**	DH22KENT	33	48	**345**	Học AV1 và AV2
56	22123209	Phạm Nguyễn Quỳnh	**Như**	DH22KENT	39	41	**340**	Học AV1 và AV2
57	22175007	Nguyễn Thị Hồng	**Nhung**	DH22MNNT	37	41	**330**	Học AV1 và AV2
58	22123210	Nguyễn Hồ Hồng	**Nhung**	DH22KENT	24	44	**270**	Học AV1 và AV2
59	22122497	Lê Tấn	**Phát**	DH22QTNT	28	22	**160**	Học AV1 và AV2
60	22122498	Nguyễn Thiên	**Phát**	DH22QTNT	36	33	**275**	Học AV1 và AV2
61	22130340	Bùi Xuân	**Phong**	DH22DTNT	30	16	**140**	Học AV1 và AV2
62	22123211	Trần Ngọc	**Phú**	DH22KENT	33	29	**230**	Học AV1 và AV2
63	22112443	Lê Văn	**Phúc**	DH22TYNT	32	34	**255**	Học AV1 và AV2
64	22122499	Ngô Duy	**Phúc**	DH22QTNT	45	34	**330**	Học AV1 và AV2
65	22122500	Nguyễn Hữu	**Phúc**	DH22QTNT	34	31	**245**	Học AV1 và AV2
66	22123212	TrầN Thị NgoC	**Phụng**	DH22KENT	31	28	**215**	Học AV1 và AV2
67	22130341	Nguyễn Phú	**Phước**	DH22DTNT	53	48	**470**	Được miễn AV1 và AV2
68	22123213	Nguyễn Thị Cẩm	**Phương**	DH22KENT	35	29	**245**	Học AV1 và AV2
69	22123214	Trần Thị Nhã	**Phương**	DH22KENT	35	41	**320**	Học AV1 và AV2
70	22152045	Lê Thành	**Phương**	DH22DTNT	21	27	**150**	Học AV1 và AV2
71	22112445	Lê Thị Thanh	**Phượng**	DH22TYNT	29	26	**190**	Học AV1 và AV2
72	22130342	Phạm Văn Thế	**Quân**	DH22DTNT	33	35	**265**	Học AV1 và AV2
73	22123215	Nguyễn Thị	**Quy**	DH22KENT	42	30	**285**	Học AV1 và AV2
74	22112446	Hồ Nguyễn Kim	**Quyên**	DH22TYNT	52	38	**400**	Được miễn AV1, Học AV2
75	22122517	Nguyễn Thị Ngọc	**Quyên**	DH22QTNT	29	30	**215**	Học AV1 và AV2
76	22122502	Dương Thị Mai	**Quyên**	DH22QTNT	32	26	**205**	Học AV1 và AV2
77	22175008	Nguyễn Nữ Thục	**Quyên**	DH22MNNT	26	47	**305**	Học AV1 và AV2
78	22112447	Nguyễn Trúc	**Quỳnh**	DH22TYNT	37	39	**315**	Học AV1 và AV2
79	22116123	Nguyễn Thị Như	**Quỳnh**	DH22QTNT	32	31	**235**	Học AV1 và AV2
80	22175009	Nguyễn Vân Phương	**Quỳnh**	DH22MNNT	29	36	**250**	Học AV1 và AV2
81	22123217	Nguyễn Xuân	**Quỳnh**	DH22KENT	39	43	**350**	Được miễn AV1, Học AV2
82	22123218	Trần Mai Như	**Quỳnh**	DH22KENT	42	33	**305**	Học AV1 và AV2
83	22152046	Lộ Minh	**Siêu**	DH22DTNT	23	26	**155**	Học AV1 và AV2
84	22122503	Đỗ Phạm Duy	**Thanh**	DH22QTNT	37	24	**220**	Học AV1 và AV2
85	22175010	Nguyễn Thị	**Thi**	DH22MNNT	29	31	**220**	Học AV1 và AV2
86	22123219	Nguyễn Thị Bích	**Thơ**	DH22KENT	45	35	**335**	Học AV1 và AV2
87	22123220	Nguyễn Lê Đức	**Thuận**	DH22KENT	40	42	**350**	Được miễn AV1, Học AV2
88	22123221	Nguyễn Mai	**Thương**	DH22KENT	44	42	**375**	Được miễn AV1, Học AV2
89	22123223	Nguyễn Thị Xuân	**Thùy**	DH22KENT	41	35	**310**	Học AV1 và AV2
90	22122504	Hồ Thị	**Tiền**	DH22QTNT	43	29	**285**	Học AV1 và AV2
91	22175011	Lê Phạm Hương	**Trà**	DH22MNNT	41	29	**275**	Học AV1 và AV2
92	22122505	Hàng Nguyệt	**Trâm**	DH22QTNT	29	33	**235**	Học AV1 và AV2
93	22175012	Lê Thị Minh	**Trang**	DH22MNNT	33	31	**240**	Học AV1 và AV2
94	22112451	Trương Thanh	**Trí**	DH22TYNT	25	21	**135**	Học AV1 và AV2
95	22112450	Thiều Đặng Minh	**Trí**	DH22TYNT	43	31	**295**	Học AV1 và AV2
96	22175013	Lê Thị Tuyết	**Trinh**	DH22MNNT	32	30	**230**	Học AV1 và AV2

Lưu ý:

Chuẩn đầu ra tiếng Anh của Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM hiện nay là tương đương TOEIC 450.
Sinh viên cần có kế hoạch học tập và trau dồi tiếng Anh hợp lý để đạt chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp.

STT	MSSV	HỌ TÊN		LỚP	Số câu đúng Listening	Số câu đúng Reading	Tổng điểm chuyển đổi (TOEIC)	KẾT QUẢ
97	22123226	Trương Thị Mỹ	**Trúc**	DH22KENT	28	27	**190**	Học AV1 và AV2
98	22123225	Phan Thị Thanh	**Trúc**	DH22KENT	30	31	**225**	Học AV1 và AV2
99	22175016	Lê Thị Bích	**Tuyết**	DH22MNNT	34	34	**265**	Học AV1 và AV2
100	22175014	Hồ Thị Ngọc	**Vi**	DH22MNNT	30	30	**220**	Học AV1 và AV2
101	22130346	Nguyễn Phạm	**Vinh**	DH22DTNT	37	44	**345**	Học AV1 và AV2
102	22130347	Nguyễn Hoàng Anh	**Vũ**	DH22DTNT	55	39	**425**	Được miễn AV1, Học AV2
103	22123227	Hồ Thị Thanh	**Vy**	DH22KENT	35	33	**270**	Học AV1 và AV2
104	22123229	Phạm Thị Như	**Ý**	DH22KENT	26	38	**250**	Học AV1 và AV2
105	22175015	Nguyễn Thị Như	**Yên**	DH22MNNT	25	21	**135**	Học AV1 và AV2

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

ThS. Đào Đức Tuyên